

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 640/TTr-TNMT ngày 28/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Bromake Việt Nam, địa chỉ tại lô CN-05, khu công nghiệp Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Dự án Bromake Việt Nam”, địa chỉ tại lô CN-05, khu công nghiệp Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Bromake Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN-05, khu công nghiệp Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp: 2400883297 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/3/2020.

1.4. Mã số thuế: 2400883297

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Các loại khay, khuôn đúc từ plastic, bột gỗ, bột tre, bột giấy.

- Các loại khay, khuôn cắt định hình (foam bảo vệ, film bảo vệ, foam-film cách điện, tape dính bảo vệ, tape dính cách điện, khay đựng chi tiết, khay đựng linh kiện...).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại kô CN-05, khu công nghiệp Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang với diện tích 25.000 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Các loại khay, khuôn đúc từ plastic, bột gỗ, bột tre, bột giấy: 20.000.000 sản phẩm/năm, tương đương khoảng 300 tấn sản phẩm/năm;

+ Các loại khay, khuôn cắt định hình (foam bảo vệ, film bảo vệ, foam-film cách điện, tape dính bảo vệ, tape dính cách điện, khay đựng chi tiết, khay đựng linh kiện...): 30.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bromake Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Bromake Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Bromake Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Hiệp Hoà nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Hiệp Hoà.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành. Các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Hiệp Hoà, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án Bromake Việt Nam” tại lô CN-05, khu công nghiệp Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Bromake Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND huyện Hiệp Hoà; Công ty TNHH Bromake Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường, do nước thải phát sinh từ dự án sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Hoà Phú tiếp tục xử lý án đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A.

Công ty NHHH Bromake Việt Nam ký hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải với Công ty TNHH Hòa Phú Invest theo hợp đồng số 127/HĐDV-HPI ngày 10/10/2021.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Công trình thu gom:

+ Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC $\varnothing 90$ thông qua các bồn rửa, bệ xí dẫn xuống bể tự hoại 3 ngăn. Công ty đã xây dựng 06 bể tự hoại 03 ngăn (03 bể dung tích mỗi bể 8 m^3 , 01 bể có dung tích 15 m^3 , 02 bể dung tích 3 m^3) để xử lý nước sơ bộ nước thải phát sinh. Nước thải nhà bếp qua bể tách dầu mỡ inox 1 m^3 ($1 \times 1 \times 1 \text{ m}^3$). Sau đó nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại được chảy qua đường ống PVC $d160 \times 7,7 \text{ mm}$ và qua đường ống HDPE $d63 \times 4,7 \text{ mm}$, dài 334m chảy vào hệ thống xử lý nước thải $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của dự án xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B.

+ Nước thải từ nhà bếp được thu gom về bể tách dầu mỡ thể tích 1 m^3 , Nước thải sau khi qua bể tách dầu mỡ được thu gom qua đường ống PVC $d160 \times 7,7 \text{ mm}$ với tổng chiều dài khoảng 222m dẫn về trạm xử lý nước thải $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của dự án.

+ Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý hoá lý sơ bộ sau đó được thu gom qua đường ống PVC $d160 \times 7,7 \text{ mm}$ với tổng chiều dài khoảng 292m dẫn về trạm xử lý nước thải $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (sau khi được xử lý sơ

bộ tại bể tự hoại và bể tách dầu mỡ) + Nước thải sản xuất sau xử lý hoá lý → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B → Hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Hoà Phú. Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học.

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ NaOCl để khử trùng nước thải với định mức sử dụng 0,005kg/m³ nước thải.

+ NaOH để điều chỉnh pH khối lượng 1,2kg/10 m³.

+ PAC để keo tụ khối lượng khoảng 3,5 kg/10 m³.

+ PAM để tạo bông khối lượng khoảng 0,08 kg/10 m³.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác:

+ Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

+ Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn: Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong

nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 18/02/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Trước và sau xử lý của trạm xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí giám sát	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất			
1	01 vị trí tại bể gom nước thải (Nước thải trước xử lý)	- Tiến hành lấy mẫu 15 ngày/lần trong 75 ngày giai đoạn điều chỉnh. Thời gian cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 15/11/2022 Lần 2: Ngày 30/01/2023 Lần 3: Ngày 14/01/20223 Lần 4: Ngày 29/01/2023 Lần 5: Ngày 15/02/2023	pH, màu, BOD ₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, C _{max})
2	01 vị trí tại hồ ga chứa nước thải sau xử lý trước khi chảy vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của KCN Hoà Phú			
II	Giai đoạn vận hành ổn định			
1	01 vị trí tại bể gom nước thải (Nước thải trước xử lý) – Lấy 1 lần	Ngày 16/02/2023	pH, màu, BOD ₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng (SS),	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, C _{max})

STT	Vị trí giám sát	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất			
2	01 vị trí tại hố ga chứa nước thải sau xử lý trước khi chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hoà Phú - Lấy 3 lần	Tiến hành lấy mẫu 1 ngày/lần trong 03 ngày liên tục giai đoạn vận hành ổn định. Thời gian cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 16/02/2023 Lần 2: Ngày 17/02/2023 Lần 3: Ngày 18/02/2023	Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống đường ống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp Hoà Phú. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Hiệp Hoà để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

01 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ 01 vị trí khu vực đúc tạo hình tại xưởng 1. Tọa độ: X= 2349646, Y=392669 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3°).

+ 01 vị trí khu vực cắt tại xưởng 4 của dự án. Tọa độ: X= 2349532, Y=392682 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	1,4m/s ²	1,4m/s ²	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Bôi trơn cho các chi tiết hoạt động giảm ma sát, giảm tiếng ồn sinh ra.

+ Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

+ Nhà xưởng thông thoáng, lắp đặt hệ thống quạt thông gió, tạo không gian rộng rãi, giảm khả năng vang vọng tiếng ồn.

+ Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.

+ Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân.

+ Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng...

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

+ Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

+ Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực có độ rung cao nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/tháng)
1	Giẻ lau dính dầu	5
2	Dầu mỡ tổng hợp thải	10
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	2
4	Hộp mực in, photo có chứa các thành phần nguy hại (phát sinh từ văn phòng)	1
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại	5
Tổng		23

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:
- Dầu mẩu, bavias thừa, sản phẩm lỗi từ quá trình đúc khuôn, cắt tia khuôn khay từ bột giấy, bột gỗ, bột tre chiếm khoảng 5% nguyên liệu đầu vào, tương đương 16 tấn/năm.

- Màng film, xốp, nhựa thừa từ quá trình dập khuôn và cắt tia sản phẩm chiếm khoảng 5% nguyên liệu đầu vào, tương đương 26 tấn/năm.

- Đối với chất thải là bao bì carton, thùng đựng hồng, rác thải nilon có khối lượng ước tính khoảng 240 kg/năm.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Lượng nước thải từ quá trình thay bồn liệu trong quá trình sản xuất trung bình từ 5-7m³/ lần, tối đa là 10m³/ lần, trong đó ước tính lượng bùn phát sinh khoảng 40% như vậy lượng bùn sau xử lý mỗi lần phát sinh tối đa khoảng 4m³/ lần.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 150kg/ngày tương đương 4.500 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 07 thùng chứa 120 lít có nắp đậy (có khả năng lưu chứa 100 lít), để thu gom, lưu chứa riêng biệt các loại chất thải nguy hại (CTNH), bên ngoài thùng có dán mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH..

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 20m²

- Thiết kế cấu tạo của kho: Tường xây gạch, mái màu ghi, tường màu ghi, nền đổ bê tông có cửa và có biển báo theo đúng quy định. Trong kho có rãnh thu gom CTNH dạng lỏng và các vật liệu như xô cát (1 xô), xẻng phòng cho sự cố khi thùng chứa bị, rò rỉ, thủng, vỡ. Bố trí các thiết bị PCCC như bình xịt chữa cháy xách tay...

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 08 thùng đựng rác với khả năng lưu chứa 100 lít/thùng tại các khu vực sản xuất.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Kho chứa chất thải rắn sản xuất 1: tổng diện tích 20m²

- Kho chứa chất thải rắn sản xuất 2: Tổng diện tích 60,8m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch, mái màu ghi, tường màu ghi, nền đổ bê tông, có cửa và có biển báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Khu vực văn phòng, nhà ăn, nhà bảo vệ, khu vệ sinh: Bố trí dự kiến khoảng 14 thùng với khả năng lưu chứa 20 lít/thùng.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

Khu vực văn phòng, nhà ăn, nhà bảo vệ, khu vệ sinh: Bố trí dự kiến khoảng 14 thùng với khả năng lưu chứa 20 lít/thùng

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại Dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột B trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 640/TTr-TNMT ngày 28/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.